



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày  
30 tháng 6 năm 2020



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận  
Đăng ký Đầu tư**

Số 02221000075  
Số 3550787247

Ngày 19 tháng 11 năm 2013  
Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 02221000075 được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2013 và có giá trị trong 45 năm. Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh hai lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 3550787247 ngày 26 tháng 4 năm 2017.

**Giấy chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0201579242

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh ba lần và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2017.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Tiến  
Ông Cáp Trọng Cường  
Ông Trần Xuân Bạo

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Ông Nguyễn Việt Trung  
Ông Chang Cheng Yung

Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Cáp Trọng Cường  
Ông Nguyễn Dương Kim Khôi

Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2  
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Cáp Trọng Cường  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2020





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00246-20-1



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0339-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu số B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>274.402.466.855</b>	<b>187.380.893.752</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>31.145.347.361</b>	<b>24.788.536.512</b>
Tiền	111		12.145.347.361	24.788.536.512
Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>66.400.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	66.400.000.000	3.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>80.647.784.717</b>	<b>77.626.297.283</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	69.656.251.090	73.966.350.661
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.206.576.642	93.205.720
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	3.784.956.985	3.566.740.902
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.943.210.716</b>	<b>17.103.868.716</b>
Hàng tồn kho	141	13	17.943.210.716	17.103.868.716
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>78.266.124.061</b>	<b>64.562.191.241</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	16.302.436.596	4.847.380.728
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		61.919.163.598	59.714.810.513
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	44.523.867	-
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>864.377.219.590</b>	<b>933.373.530.692</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>558.430.712.763</b>	<b>619.235.818.095</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	558.268.431.512	618.878.799.344
Nguyên giá	222		1.054.411.171.979	1.054.411.171.979
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(496.142.740.467)	(435.532.372.635)
Tài sản cố định vô hình	227	15	162.281.251	357.018.751
Nguyên giá	228		1.982.375.000	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.820.093.749)	(1.625.356.249)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>305.946.506.827</b>	<b>314.137.712.597</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	305.946.506.827	314.137.712.597
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.138.779.686.445</b>	<b>1.120.754.424.444</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>99.887.450.353</b>	<b>154.673.763.195</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.887.450.353</b>	<b>95.059.554.684</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	48.104.957.434	49.615.787.726
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		749.421.406	553.653.315
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.114.745.068	84.316.019
Phải trả người lao động	314		5.773.061.651	10.252.091.665
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.525.763.742	3.769.385.503
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.639.586.154	182.405.558
Vay ngắn hạn	320	21	28.544.925.898	28.544.925.898
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	5.434.989.000	2.056.989.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>59.614.208.511</b>
Vay dài hạn	338	21	1.000.000.000	59.614.208.511
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.038.892.236.092</b>	<b>966.080.661.249</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.038.892.236.092</b>	<b>966.080.661.249</b>
Vốn cổ phần	411	24	632.500.000.000	632.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		632.500.000.000	632.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(94.000.000)	(94.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		406.486.236.092	333.674.661.249
- Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước	421a		328.674.661.249	200.195.175.429
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		77.811.574.843	133.479.485.820
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.138.779.686.445</b>	<b>1.120.754.424.444</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Mẫu số B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>360.618.310.857</b>	<b>397.038.173.861</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>256.657.911.624</b>	<b>318.971.814.018</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>103.960.399.233</b>	<b>78.066.359.843</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.273.448.810	302.354.340
Chi phí tài chính	22	28	2.338.189.207	9.872.859.137
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.823.675.144	9.589.419.547
Chi phí bán hàng	25	29	12.404.721.324	5.320.114.950
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	8.564.617.601	11.015.901.241
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>81.926.319.911</b>	<b>52.159.838.855</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)</b>	<b>50</b>		<b>81.926.319.911</b>	<b>52.159.838.855</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>4.114.745.068</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>77.811.574.843</b>	<b>52.159.838.855</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.191	785

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu số B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>81.926.319.911</b>	<b>52.159.838.855</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	65.429.935.248	65.217.761.944
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	18.230.350	6.185.348
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(875.907.063)	(235.084.153)
Chi phí lãi vay	06	1.823.675.144	9.589.419.547
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>148.322.253.590</b>	<b>126.738.121.541</b>
Biến động các khoản phải thu	09	2.754.620.072	(33.831.378.445)
Biến động hàng tồn kho	10	(839.342.000)	(5.112.990.000)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(2.161.806.558)	39.274.887.935
Biến động chi phí trả trước	12	(7.888.680.014)	19.160.498.364
		<b>140.187.045.090</b>	<b>146.229.139.395</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.326.717.985)	(11.714.163.740)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.622.000.000)	(1.667.081.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>135.238.327.105</b>	<b>132.847.894.655</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(7.155.373.500)	-
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(63.100.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.296.105	133.100.591
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(70.249.077.395)</b>	<b>133.100.591</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu số B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.614.208.511)	(68.908.694.424)
Cổ tức đã trả	36	-	(50.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(58.614.208.511)</b>	<b>(119.508.694.424)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>6.375.041.199</b>	<b>13.472.300.822</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (Thuyết minh 9)	60	24.788.536.512	1.417.757.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18.230.350)	(6.185.348)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 9)	70	31.145.347.361	14.883.873.446

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường  
Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



## **Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu số B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 158 nhân viên (1/1/2020: 157 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

##### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu số B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu số B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 38 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu số B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



## **Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

#### **(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

#### **(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## **4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

## **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

## **6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

## **7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động bốc dỡ container;
- Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch;
- Hoạt động lai dắt tàu;
- Hoạt động khác.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyên giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

	<b>Hoạt động bốc dỡ container VND</b>	<b>Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND</b>	<b>Hoạt động lai dắt tàu VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận	292.797.880.581	32.113.922.534	7.807.190.160	27.899.317.582	360.618.310.857
Kết quả kinh doanh của bộ phận					103.960.399.233
Chi phí không phân bổ					(26.148.824.390)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					77.811.574.843
Chỉ tiêu vốn					7.155.373.500
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					60.610.367.832
Khấu hao tài sản cố định vô hình					194.737.500

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

	<b>Hoạt động bốc dỡ container VND</b>	<b>Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND</b>	<b>Hoạt động lai đất tàu VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận	317.507.070.803	45.263.449.746	9.424.969.758	24.842.683.554	397.038.173.861
Kết quả kinh doanh của bộ phận					78.066.359.843
Chi phí không phân bổ					(25.906.520.988)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					52.159.838.855
Chi tiêu vốn					-
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					60.394.694.530
Khấu hao tài sản cố định vô hình					198.237.498



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lãi đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	56.556.203.815	6.203.055.652	1.508.019.925	9.173.928.683	73.441.208.075 1.065.338.478.370
Tổng tài sản					1.138.779.686.445
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	39.057.998.883	4.283.861.440	1.041.446.147	3.721.650.964	48.104.957.434 51.782.492.919
Tổng nợ phải trả					99.887.450.353

**Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020**

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lãi đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	58.707.731.402	8.186.903.326	1.764.513.500	8.873.943.335	77.533.091.563 1.043.221.332.881
Tổng tài sản					1.120.754.424.444
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	39.380.479.274	5.491.681.743	1.183.615.610	3.560.011.099	49.615.787.726 105.057.975.469
Tổng nợ phải trả					154.673.763.195

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty chỉ có một bộ phận theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	3.047.032.852	1.159.161.808
Tiền gửi ngân hàng	9.098.314.509	23.629.374.704
Các khoản tương đương tiền (i)	19.000.000.000	-
	<b>31.145.347.361</b>	<b>24.788.536.512</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 4,00% đến 4,75% (1/1/2020: Không có).

**10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị hợp lý</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị hợp lý</b> <b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	66.400.000.000	(*)	3.300.000.000	(*)

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm từ 5,3% đến 6,50% (1/1/2020: từ 5,5% đến 6,6%).

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	1.051.584.600
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	31.472.270.636	20.094.189.732
Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội	4.779.653.828	5.454.082.157
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	3.697.908.940	1.241.765.140
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	495.078.446	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	24.354.000	10.083.150
<b>Bên thứ ba</b>		
Maersk Line A/S	12.495.777.171	16.069.137.648
MCC Transport Singapore Pte., Ltd.	11.868.192.528	15.075.286.102
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	2.042.446.762	7.298.477.988
Yang Ming Marine Transport Corporation	1.228.161.357	3.560.424.960
Các khách hàng khác	1.552.407.422	4.111.319.184
	<hr/>	<hr/>
	69.656.251.090	73.966.350.661

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh toán hộ các hãng tàu	-	2.346.698.818
Phải thu bồi thường bảo hiểm	1.194.626.685	631.276.185
Phải thu từ Công ty mẹ (*)	1.153.500.000	-
Lãi phải thu	915.263.013	45.652.055
Các khoản phải thu khác	521.567.287	543.113.844
	<hr/>	<hr/>
	3.784.956.985	3.566.740.902

(\*) Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Container Việt Nam - Công ty mẹ theo Quyết định số 63/2020/QĐ-HĐQT của Công ty mẹ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc thưởng tập thể, cá nhân Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019. Khoản phải thu từ Công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả theo thỏa thuận.

**13. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2020</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	17.943.210.716		17.103.868.716



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu số B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	393.145.072.964	56.879.235.381	600.334.901.284	4.051.962.350	1.054.411.171.979
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	118.805.097.582	28.782.337.114	284.632.932.408	3.312.005.531	435.532.372.635
Khấu hao trong kỳ	15.450.219.336	4.658.062.674	40.124.405.712	377.680.110	60.610.367.832
Số dư cuối kỳ	134.255.316.918	33.440.399.788	324.757.338.120	3.689.685.641	496.142.740.467
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	274.339.975.382	28.096.898.267	315.701.968.876	739.956.819	618.878.799.344
Số dư cuối kỳ	258.889.756.046	23.438.835.593	275.577.563.164	362.276.709	558.268.431.512

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 484.793 triệu VND (1/1/2020: 537.721 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 309 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 309 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu số B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.982.375.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.625.356.249
Khấu hao trong kỳ	194.737.500
Số dư cuối kỳ	1.820.093.749
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	357.018.751
Số dư cuối kỳ	162.281.251

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 162 triệu VND (1/1/2020: 357 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 35 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 35 triệu VND).

**16. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Chi phí nạo vét, duy tu khu nước trước bến	8.597.372.591	-
Công cụ dụng cụ	6.757.822.476	3.257.509.607
Phí bảo hiểm trả trước	947.241.529	1.589.871.121
	<b>16.302.436.596</b>	<b>4.847.380.728</b>



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước (*) VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	302.926.359.498	11.211.353.099	314.137.712.597
Tăng trong kỳ	-	640.820.000	640.820.000
Phân bổ trong kỳ	(4.624.829.916)	(4.207.195.854)	(8.832.025.770)
Số dư cuối kỳ	298.301.529.582	7.644.977.245	305.946.506.827

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, chi phí đất trả trước có giá trị còn lại là 298.302 triệu VND (1/1/2020: 302.926 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

**17. Các khoản phải trả người bán****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	2.472.876.394	9.567.212.543
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh	11.553.444.901	12.658.345.820
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	10.293.385.779	4.057.082.797
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	8.557.042.890	4.995.097.636
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	8.505.973.471	8.302.759.676
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	452.096.590	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	20.700.000	-
<b>Bên thứ ba</b>		
Các nhà cung cấp khác	6.249.437.409	10.035.289.254
	<b>48.104.957.434</b>	<b>49.615.787.726</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	17.290.888.793	(17.290.888.793)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.114.745.068	-	-	4.114.745.068
Thuế thu nhập cá nhân	84.316.019	373.363.634	-	(502.203.520)	(44.523.867)
Các loại thuế khác	-	3.195.928	(3.195.928)	-	-
	84.316.019	21.782.193.423	(17.294.084.721)	(502.203.520)	4.070.221.201

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trích trước chi phí nâng hạ tàu	2.471.633.289	949.047.750
Trích trước chi phí lãi vay	594.562.873	2.097.605.714
Trích trước chi phí tiền điện	173.512.380	287.732.039
Trích trước chi phí khác	286.055.200	435.000.000
	3.525.763.742	3.769.385.503

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	331.036.800	173.683.679
Phải trả khác	2.308.549.354	8.721.879
	2.639.586.154	182.405.558



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản vay**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	VND	8,3%	2021	-	44.341.745.562
Công ty Cổ phần Container Việt Nam (**)	VND	7,0% - 8,3%	2021	29.544.925.898	43.817.388.847
				29.544.925.898	88.159.134.409
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(28.544.925.898)	(28.544.925.898)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.000.000.000	59.614.208.511

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (“Ngân hàng”) đã được tắt toán, nhưng Ngân hàng chưa cung cấp Chứng thư giải chấp cho Công ty, do đó một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 484.793 triệu VND (1/1/2020: 537.721 triệu VND), chi phí đất trả trước có giá trị còn lại là 298.302 triệu VND (1/1/2020: 302.926 triệu VND) và một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 162 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 357 triệu VND) của Công ty vẫn được ghi nhận là tài sản đảm bảo cho khoản vay này tại Ngân hàng.

(\*\*) Khoản vay dài hạn từ công ty mẹ, Công ty Cổ phần Container Việt Nam, không có tài sản đảm bảo.

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.056.989.000	36.090.000
Trích lập trong kỳ	5.000.000.000	6.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.622.000.000)	(1.667.081.000)
Số dư cuối kỳ	5.434.989.000	4.369.009.000

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
(tiếp theo)**Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	632.500.000.000	(94.000.000)	256.795.175.429	889.201.175.429
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	52.159.838.855	52.159.838.855
Trả cổ tức	-	-	(50.600.000.000)	(50.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>	632.500.000.000	(94.000.000)	252.355.014.284	884.761.014.284
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	632.500.000.000	(94.000.000)	333.674.661.249	966.080.661.249
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	77.811.574.843	77.811.574.843
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	632.500.000.000	(94.000.000)	406.486.236.092	1.038.892.236.092



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>Tại ngày 30/6/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	63.250.000	632.500.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	333.472	7.709.882.813	973.809	22.504.733.122
EUR	8	196.467	8	198.016
		<u>7.710.079.280</u>		<u>22.504.931.138</u>

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Dịch vụ bốc dỡ container	292.797.880.581	317.507.070.803
Phí chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	32.113.922.534	45.263.449.746
Phí tàu lai	7.807.190.160	9.424.969.758
Dịch vụ khác	27.899.317.582	24.842.683.554
	<hr/>	<hr/>
	360.618.310.857	397.038.173.861

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	875.907.063	235.084.153
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	397.541.747	67.270.187
	<hr/>	<hr/>
	1.273.448.810	302.354.340

**28. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Chi phí lãi vay	1.823.675.144	9.589.419.547
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	496.283.713	277.254.242
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.230.350	6.185.348
	<hr/>	<hr/>
	2.338.189.207	9.872.859.137



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Chi phí hoa hồng nâng hạ tàu	10.538.018.632	5.320.114.950
Chi phí nhân công	1.866.702.692	-
	<b>12.404.721.324</b>	<b>5.320.114.950</b>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Chi phí nhân công	3.372.721.308	5.363.890.000
Chi phí khấu hao	1.017.720.618	1.055.547.304
Chi phí đồ dùng văn phòng	162.754.665	181.930.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.142.856.791	2.690.493.494
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.868.564.219	1.724.039.741
	<b>8.564.617.601</b>	<b>11.015.901.241</b>

**31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Chi phí nhân công	18.839.128.000	19.405.756.700
Chi phí khấu hao và phân bổ	65.429.935.248	65.217.761.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.407.343.733	236.488.551.395
Chi phí khác	7.950.843.568	14.195.760.170

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.926.319.911	52.159.838.855
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.192.631.991	5.215.983.886
Chi phí không được khấu trừ	36.858.145	7.008.250
Ưu đãi thuế	(4.114.745.068)	(5.222.992.136)
	<b>4.114.745.068</b>	<b>-</b>

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2015) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028).



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo là 75.311.574.843 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 49.659.838.855 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 63.250.000 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 63.250.000 cổ phiếu).

Chi tiết lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	77.811.574.843	52.159.838.855
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>75.311.574.843</b>	<b>49.659.838.855</b>

(\*) Cho mục đích tính toán lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, Công ty ước tính số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bằng 50% số đã trích lập cho cả năm 2019.

**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)****Mẫu số B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
<b>Các cổ đông</b>		
<i>Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Công ty mẹ</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	4.129.391.843
Mua dịch vụ	4.362.000.000	4.377.928.820
Mua hàng hóa	5.512.435.004	9.726.413.306
Trả gốc vay	14.272.462.949	20.908.694.424
Chi phí lãi vay	1.779.990.695	2.303.034.288
Cổ tức đã trả	-	37.620.000.000
<i>Evergreen Marine Corporation (Taiwan) Ltd.</i>		
Cổ tức đã trả	-	11.000.000.000
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<i>Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)</i>		
Cung cấp dịch vụ	98.302.861.995	107.549.432.639
Chi phí hoa hồng	5.486.877.000	5.320.114.950
<i>Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i>		
Cung cấp dịch vụ	108.399.682	249.483.000
Mua dịch vụ	36.770.372.475	47.309.697.880
<i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i>		
Mua dịch vụ	37.978.182	149.129.091
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh</i>		
Cung cấp dịch vụ	6.824.423.000	3.136.066.500
Mua dịch vụ	30.153.505.433	32.349.609.631
<i>Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh</i>		
Mua dịch vụ	24.596.662.949	1.652.946.454
<i>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</i>		
Cung cấp dịch vụ	5.015.261.400	4.800.490.200
Mua dịch vụ	16.819.454.534	12.121.142.916
<i>Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội</i>		
Cung cấp dịch vụ	14.001.641.556	13.974.710.180
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh</i>		
Cung cấp dịch vụ	2.343.615.156	-
Mua dịch vụ	6.211.365.120	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.186.623.830	1.095.034.654



**Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu số B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**35. Các khoản nợ tiềm ẩn**

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, Kiểm toán Nhà nước đã có kiến nghị tăng thu, giảm chi ngân sách Nhà nước từ kết quả kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công năm 2017 tại Tổng Cục Thuế và Chuyên đề công tác hoàn thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) tại Tổng Cục Thuế và 19 tỉnh, thành phố. Theo đó, tại cuộc họp với Cục Thuế Thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 10 năm 2018, Công ty được thông báo phải hoàn trả lại số tiền 9.954.508.833 VND trên tổng số thuế GTGT mà Công ty đã được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế Thành phố Hải Phòng là 31.471.502.631 VND cho giai đoạn từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016 với lý do dự án đã đi vào hoạt động, phát sinh doanh thu.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, Công ty đã gửi Công văn số 106/CT-KT khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền về khoản tiền thuế GTGT nêu trên, do đây là số thuế GTGT đầu vào trong giai đoạn đầu tư số 2, từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016, ghi rõ tại giấy chứng nhận đầu tư của Công ty, và thỏa mãn điều kiện được hoàn thuế theo các quy định về thuế GTGT hiện hành.

Ngày 1 tháng 3 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có Công văn số 218/KTNN-CNII gửi Tổng Cục Thuế đề nghị Tổng Cục Thuế chỉ đạo Cục Thuế Thành phố Hải Phòng kiểm tra, xác định chính xác số thuế giá trị gia tăng được hoàn để làm căn cứ truy thu số tiền thuế GTGT theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có công văn số 294/KTNN-CNII gửi Công ty đề nghị Công ty làm việc với Cục Thuế Thành phố Hải Phòng để giải quyết vụ việc.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận một khoản nợ trên báo cáo tài chính cho số thuế phải hoàn trả nói trên do Cục Thuế Thành phố Hải Phòng chưa tiến hành kiểm tra và có kết luận về việc hoàn trả thuế này.

**36. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường  
Giám đốc